

Bản án số: 58/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2017

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ biên toà: Ông Nguyễn Tấn Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Lâm;

Bà Lê Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phú, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng B, tỉnh Tây Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Trảng B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2017/TLST ngày 18 tháng 4 năm 2017 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2017/QĐXX-ST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1969; (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1968; (có mặt)

Cả hai cùng địa chỉ: ấp Hòa P, xã An H, huyện Trảng B, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Chị và anh Trần Văn L chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 14 tháng 4 năm 1987 trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn do tính tính không hợp nhau dẫn đến gây gỗ thường xuyên, đến năm 2015 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do anh L cờ bạc rồi tự ý bán tài sản trong nhà chị N khuyên nhủ rất nhiều nhưng anh L không thay đổi mà đánh đập chửi bới chị. Cả hai vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau từ ba năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn L.

Về con chung: Có hai con tên Trần Thị N, sinh năm 1990 và Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1991. Cả hai đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn L trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Vợ chồng chung sống từ ngày 14 tháng 4 năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn nguyên nhân là do tại thời điểm chung sống điều kiện kinh tế khó khăn cả hai đều đi làm để nuôi con nên không ai nghĩ đến chuyện đi đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận nhưng từ ba năm nay phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Có hai con tên Trần Thị N, sinh năm 1990 và Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1991. Cả hai đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Nhận thấy chị Phạm Thị N và anh Trần Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 14 tháng 4 năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Văn L. Về con chung: đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của chị Phạm Thị N, anh Trần Văn L và xác nhận của chính quyền địa phương có cơ sở để xác định chị Phạm Thị N, anh Trần Văn L chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 14 tháng 4 năm 1987 trên cơ sở tự nguyện nhưng cả hai không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị Phạm Thị N yêu cầu ly hôn, anh Trần Văn L đồng ý ly hôn nhưng Tòa án không thể công nhận việc thuận tình ly hôn của chị N và anh L mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị N và anh L có hai con tên Trần Thị N, sinh năm 1990 và Trần Thị N Lan, sinh năm 1991. Cả hai đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị N và anh Trần Văn L là vợ chồng.

Về con chung: Chị N và anh L có hai con tên Trần Thị N, sinh năm 1990 và Trần Thị N Lan, sinh năm 1991. Cả hai đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008709 ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng B; Chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng B;
- THADS huyện Trảng B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Tấn Đạt